

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT SÀI GÒN
Địa chỉ: Số 9/50 đường Lê Tấn Bê, P.An Lạc, Q.Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08. 37672278, Fax: 08. 37672278

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT SÀI GÒN
Cho năm tài chính 2016
Kèm theo
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI
Số 3 ngõ 1295 - Giải Phóng - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội
Điện thoại: (84 43) 974 50 81/82 Fax: (84 43) 974 50 83
Hà Nội, tháng 03 năm 2017

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang số
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 04
Báo cáo Kiểm toán độc lập	05 - 06
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016	07 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2016	10
Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2016	11 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Dầu thực vật Sài Gòn ("gọi tắt là Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2016.

1. Khái quát chung về công ty

Công ty Cổ Phần Dầu thực vật Sài Gòn là Công ty cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309802048, đăng ký lần đầu ngày 08/02/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 03/02/2015. Theo đó:

Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng).

Cổ đông sáng lập	Tỷ lệ (%)	Số tiền (đồng)
Lê Thiên Thạch	60%	120.000.000.000
Hoàng Thị Thúy Hà	10%	20.000.000.000
Lê Thị Kim Trinh	10%	20.000.000.000
Nguyễn Thị Lệ Hằng	10%	20.000.000.000
Trần Ngọc Bửu Trân	10%	20.000.000.000
Tổng cộng	100%	200.000.000.000

Trụ sở chính của Công ty: Số 9/50 đường Lê Tấn Bê, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Lĩnh vực kinh doanh:

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi)
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật (không hoạt động tại trụ sở)
- Trồng cây có hạt chứa dầu
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (không hoạt động tại trụ sở)
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và phế phẩm vệ sinh (không hoạt động tại trụ sở)
- Sản xuất sản phẩm từ plastic (không hoạt động tại trụ sở)
- Sản xuất các cấu kiện kim loại (không hoạt động tại trụ sở)
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại (không hoạt động tại trụ sở)

- Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm) (không hoạt động tại trụ sở)
- Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác (không hoạt động tại trụ sở)
- Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở)
- Bán buôn đồ uống (không hoạt động tại trụ sở)
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng miếng và không hoạt động tại trụ sở)
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp (thực hiện đúng theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 và thực hiện đúng theo quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của UBND TP HCM về phê duyệt kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn TP.HCM)
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (trừ kinh doanh bến bãi ô tô, hóa lỏng khí để vận chuyển)
- Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ kinh doanh bến bãi ô tô, đường hàng không)
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không hoạt động tại trụ sở)
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ kinh doanh quán bar, vũ trường và không hoạt động tại trụ sở)

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 2016 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này từ trang 07 đến trang 26.

Tại báo cáo này Ban Giám đốc Công ty xin khẳng định những vấn đề sau đây:

- Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các Kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;
- Việc thiết lập và duy trì một hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu lực, để thực thi công việc quản lý là thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc;

- Tài sản mà Công ty đang nắm giữ là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty và không có bất kỳ một sự kiện nào có thể dẫn tới việc tranh chấp các tài sản mà Công ty đang sử dụng;
- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch dự tính nào có thể làm sai lệch đáng kể số liệu kế toán hoặc cách phân loại tài sản và khoản nợ đã được phản ánh trong Báo cáo tài chính;
- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch nào nhằm ngừng sản xuất một loại sản phẩm đang được sản xuất, ngừng xây dựng các công trình đang dở dang cũng không có một kế hoạch hay dự tính nào có thể dẫn đến tình trạng hàng tồn kho ứ đọng hoặc lạc hậu và không có bất kỳ khoản hàng tồn kho nào được hạch toán với giá trị cao hơn giá trị thực hiện thuần;
- Báo cáo tài chính năm 2016 đã phản ánh một cách trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính 2016;
- Báo cáo tài chính năm 2016 đã được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong bản thuyết minh Báo cáo tài chính và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện nào bất thường xảy ra sau ngày 31/12/2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2016;
- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT SÀI GÒN



Trần Ngọc Bửu Trân
Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2017



Số: 97 /2017/BCKT/BCTC/CPAHANOI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT SÀI GÒN
cho năm tài chính 2016

Kính gửi: Ban Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT SÀI GÒN

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dầu thực vật Sài Gòn, được lập ngày 20/02/2017, từ trang 07 đến trang 26, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính

hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dầu thực vật Sài Gòn tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 05 bản tiếng Việt, các bản có giá trị ngang nhau. Công ty Cổ phần Dầu thực vật Sài Gòn giữ 04 bản tiếng Việt, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản tiếng Việt.

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI (CPAHANOI)

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tĩnh

*Giấy Chứng nhận ĐKHN Kiểm toán
Số: 0132-2013-016-1*

Kiểm toán viên

Lê Văn Dò

*Giấy Chứng nhận ĐKHN Kiểm toán
Số: 0231-2013-016-1*



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: đồng

TT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5	6
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140)	100		135.109.154.055	131.476.091.255
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		78.154.927	9.980.249.222
1	Tiền	111	V.1	78.154.927	9.980.249.222
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		102.869.837.864	93.360.846.798
1	Phải thu khách hàng	131	V.2	47.610.413.765	52.849.373.748
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	25.642.119.048	25.061.473.050
3	Các khoản phải thu khác	138	V.4	29.617.305.051	15.450.000.000
IV	Hàng tồn kho	140		32.113.071.975	28.020.518.062
1	Hàng tồn kho	141	V.5	32.113.071.975	28.020.518.062
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		48.089.289	114.477.173
1	Thuế GTGT được khấu trừ	152		46.667.688	114.093.133
2	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	152		384.040	384.040
3	Tài sản ngắn hạn khác	158		1.037.561	-
B	TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		98.570.496.979	119.683.114.802
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II	Tài sản cố định	220		4.569.654.375	4.569.654.375
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			4.569.654.375	4.569.654.375
III	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		93.892.960.210	115.000.000.000
1	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.6	95.000.000.000	95.000.000.000
2	Đầu tư dài hạn khác	258	V.7	-	20.000.000.000
3	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259		(1.107.039.790)	-
V	Tài sản dài hạn khác	260		107.882.394	113.460.427
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	107.882.394	113.460.427
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		233.679.651.034	251.159.206.057

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: đồng

TT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5	6
A	NỢ PHẢI TRẢ (300=310+320)	300		5.070.658.295	24.179.852.506
I	Nợ ngắn hạn	310		5.070.658.295	24.179.852.506
1	Phải trả người bán	312	V.9	3.690.497.264	20.091.990.713
2	Người mua trả tiền trước	313	V.10	9.318.993	9.318.993
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	430.302.922	3.436.638.197
4	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.12	330.000.000	31.365.487
5	Quỹ khen thưởng phúc lợi	321		610.539.116	610.539.116
II	Nợ dài hạn	330		-	-
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+420)	400		228.608.992.739	226.979.353.551
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.13	228.608.992.739	226.979.353.551
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	417		1.831.617.349	1.831.617.349
3	Lợi nhuận chưa phân phối	420		26.777.375.390	25.147.736.202
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)	440		233.679.651.034	251.159.206.057

Kế toán trưởng



Nguyễn Hồ Trúc Phương

Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2017

Giám đốc



Trần Ngọc Bửu Trân

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	307.409.557.449	383.175.606.582
2	Các khoản giảm trừ	3		-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	307.409.557.449	383.175.606.582
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.3	302.369.795.004	367.872.201.564
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.039.762.445	15.303.405.018
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	76.192.048	4.752.102.495
7	Chi phí tài chính	22	VI.5	1.107.039.790	-
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8	Chi phí bán hàng	24	V.6	179.976.648	368.817.259
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	894.829.450	442.400.239
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.934.108.605	19.244.290.015
11	Thu nhập khác	31		474.151	1.357.501
12	Chi phí khác	32		682.571.902	390.558.027
13	Lợi nhuận khác	40		(682.097.751)	(389.200.526)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.252.010.854	18.855.089.489
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	571.728.268	3.364.012.113
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.680.282.586	15.491.077.376
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		VI.9	84	775

Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2017

Kế toán trưởng

Thủy

Nguyễn Hồ Trúc Phương



Giám đốc

Trần Ngọc Bửu Trân

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	343.400.117.205	375.210.793.306
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(358.010.807.818)	(374.045.627.056)
3	Tiền chi trả cho người lao động	3	(208.888.000)	(136.539.000)
4	Tiền chi trả lãi vay	4	-	-
5	Tiền chi nộp thuế	5	(3.503.828.630)	(3.434.997.188)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	6.920.000.000	5.741.597.100
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(498.687.052)	(12.116.323.873)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(11.902.094.295)	(8.781.096.711)
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(85.000.000.000)
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.000.000.000	
5	Tiền thu lợi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		500.000.000
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.000.000.000	(84.500.000.000)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	100.000.000.000
2	Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của doanh nghiệp đó phát hành	32	-	-
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	100.000.000.000
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(9.902.094.295)	6.718.903.289
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	9.980.249.222	3.261.345.933
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	78.154.927	9.980.249.222

Kế toán trưởng



Nguyễn Hồ Trúc Phương

Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2017

Giám đốc



Trần Ngọc Bửu Trân

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu

Công ty Cổ Phần Dầu thực vật Sài Gòn là Công ty cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309802048, đăng ký lần đầu ngày 08/02/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 03/02/2015. Theo đó:

Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh:

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi)
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật (không hoạt động tại trụ sở)
- Trồng cây có hạt chứa dầu
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (không hoạt động tại trụ sở)
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và phế phẩm vệ sinh (không hoạt động tại trụ sở)
- Sản xuất sản phẩm từ plastic (không hoạt động tại trụ sở)
- Sản xuất các cấu kiện kim loại (không hoạt động tại trụ sở)
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại (không hoạt động tại trụ sở)
- Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm) (không hoạt động tại trụ sở)
- Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác (không hoạt động tại trụ sở)
- Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở)
- Bán buôn đồ uống (không hoạt động tại trụ sở)
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng miếng và không hoạt động tại trụ sở)
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (thực hiện đúng theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 và thực hiện đúng theo quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của UBND TP HCM về phê duyệt kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn TP.HCM)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (trừ kinh doanh bến bãi ô tô, hóa lỏng khí để vận chuyển)
- Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ kinh doanh bến bãi ô tô, đường hàng không)
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không hoạt động tại trụ sở)
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ kinh doanh quán bar, vũ trường và không hoạt động tại trụ sở)

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán : bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (đồng)

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Dầu thực vật Sài Gòn tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam đã ban hành, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các Chính sách kế toán chủ yếu mà Công ty đã áp dụng để ghi sổ và lập Báo cáo tài chính.

1, Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2, Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền:

- *Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền:*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị các khoản này.

- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ. tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ các khoản mục có gốc ngoại tệ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm là: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

3, Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: là các khoản tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc.

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

4, Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi:

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT - BTC ngày 07/12/2009 của Bộ tài chính, cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 01 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 03 năm trở lên.

5, Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm. Các chi phí sản xuất chung được phân bổ trên cơ sở tỉ lệ sản phẩm hoàn thành trong kỳ.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn kho đầu kỳ + Giá trị hàng tồn kho nhập trong kỳ - Giá trị hàng tồn kho xuất trong kỳ (Phương pháp tính giá hàng xuất kho: theo phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ tại thời điểm lập BCTC thường theo quý).

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

6, Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Khấu hao TSCĐ hữu hình được thực hiện theo phương pháp đường thẳng, căn cứ theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính và nguyên giá của tài sản. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Mức khấu hao cụ thể như sau:

Loại TSCĐ	Thời gian sử dụng
- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 49 năm
- Máy móc thiết bị	06 - 13 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

7, Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng, đầu tư trồng cao su chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao.

8, Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh, bao gồm:

+ Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.

- + Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.
- + Các khoản chi phí trả trước khác có phát sinh lớn mà theo xét đoán của ban lãnh đạo doanh nghiệp thì cần thiết được phân bổ cho nhiều kỳ kế toán.

9, Nguyên tắc kế toán nợ phải trả:

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

Có thời hạn thanh toán dưới 01 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

Có thời hạn thanh toán trên 01 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

10, Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Đối với những TSCĐ đặc thù, việc sửa chữa có tính chu kỳ thì chi phí sửa chữa lớn những tài sản này được trích trên cơ sở dự toán hoặc theo kế hoạch đã thông báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý và được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

11, Nguồn vốn chủ sở hữu:

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế được các chủ sở hữu góp vốn.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua lại cổ phiếu.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên Bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính và một phần chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái khi đánh giá lại số dư ngoại tệ của các khoản nợ phải trả dài hạn cuối năm tài chính trong trường hợp hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái làm cho kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bị lỗ.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

12, Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ;

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13, Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được hạch toán theo nguyên tắc chi phí phù hợp với doanh thu, bao gồm toàn bộ các chi phí tập hợp được để tạo thành doanh thu phát sinh trong kỳ kế toán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

14, Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí về tiền lương và các khoản trích theo lương của bộ phận bán hàng, chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,... phát sinh trong kỳ kế toán được ghi nhận toàn bộ trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương và các khoản trích theo tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...) phát sinh trong kỳ được ghi nhận toàn bộ vào Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

15, Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Không bù trừ thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

16, Các nghĩa vụ về thuế:

Thuế giá trị gia tăng: Công ty thực hiện kê khai và nộp thuế giá trị gia tăng tại Chi Cục thuế quận Tân Bình. Hàng tháng có lập tờ khai thuế đầu vào và thuế đầu ra theo đúng qui định. Khi kết thúc năm tài chính đơn vị lập các Báo cáo thuế Giá trị gia tăng theo qui định hiện hành.

Các loại thuế khác thực hiện theo qui định hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH 2016

(tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

1. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	34.310.661	9.937.138.555
Tiền gửi ngân hàng	43.844.266	43.110.667
NH TMCP Kỹ thương Trường Chinh	3.064.824	1.371.314
NH Đầu tư và Phát triển VN - CN Sài Gòn	963.354	1.590.629
NH TMCP Ngoại thương VN - CN Tân Bình	23.954.502	34.643.563
NH TMCP Ngoại thương VN - CN Hoàn Kiếm	2.319.782	2.147.873
NH TMCP Bắc á Hà Nội	1.057.782	1.538.813
NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội - PGD Bình Thạnh	2.575.155	1.768.534
NH Bảo Việt - PGD Hàng Xanh	50.450	49.941
NH TMCP Tiên Phong - CN TP.HCM	641.574	-
NH NN&PTNT - CN Hồng Hà	9.216.843	-
Cộng	78.154.927	9.980.249.222

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
a, Phải thu khách hàng các bên liên quan		
Công ty TNHH Phúc Quang - Hồng Anh	41.569.463.316	16.156.427.727
b, Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty SXKD Tổng hợp Thanh Hóa	-	3.993.456.176
Công ty CP XNK Bao bì nhựa	-	32.699.489.845
Công ty CP Luna Star Việt Nam	5.984.450.449	-
Nhà máy Chế biến Nông sản TP Xuất khẩu Việt Nam	56.500.000	-
Cộng	47.610.413.765	52.849.373.748

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
CN TP. HCM - Trung tâm lưu lý chứng khoán Việt Nam	15.000.000	-
Công ty CP SENVINA	2.630.466.938	-
Công ty CP Trích Ly Dầu thực vật	60.066.650	60.066.650
Công ty TNHH kiểm toán và định giá Thăng Long - T.D.K	35.000.000	-
Công ty TNHH sản xuất thương mại Hoàng Phát Thịnh	300.000.000	-
Công ty TNHH thương mại dịch vụ vận chuyển Đăng An	21.507.931	-
Công ty TNHH thương mại và xuất nhập khẩu Minh Châu	18.084.829	-
Công ty TNHH sản xuất và thương mại An Dương	-	1.406.400
Công ty TNHH thương mại xây dựng sản xuất Hoàng Hà (*)	22.000.000.000	25.000.000.000
Công ty TNHH TM-DV vận tải Khánh Phong	60.000.000	-
TCT công nghiệp dầu thực vật Việt Nam - CTCP(VOCARIMEX)	477.892.700	-
Viện nghiên cứu dầu và cây có dầu	24.100.000	-
Cộng	25.642.119.048	25.061.473.050

(*) Là khoản tạm ứng đến 8% giá trị Hợp đồng xây lắp 01/HĐKT-KTKH/HH-TVSD ngày 26/08/2014 về việc xây dựng nhà xưởng và cung cấp lắp đặt bốn chứa cho nhà máy dầu thực vật Sài Gòn tại 170/2 đường Phạm Hùng, P.9, thành phố Vĩnh Long. Tuy nhiên, do không xin được giấy phép Xây dựng nên Công trình đã tạm dừng và chưa có thời gian cụ thể sẽ tiếp tục. Và Bên Công ty TNHH Thương mại xây dựng sản xuất Hoàng Hà đã thống nhất trả lại số tiền trên theo Biên bản thỏa thuận. Năm 2016 đã trả 3.000.000.000, còn lại sẽ trả vào thời điểm 30/06/2017.

4. Phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng (*)	7.290.000.000	11.200.000.000
Lợi nhuận được phân chia từ Công ty TNHH Phúc Quang - Hồng Anh	4.325.941.415	4.250.000.000
Thuế GTGT được khấu trừ chưa kê khai	1.363.636	-
Phải thu khác (**)	18.000.000.000	-
Cộng	29.617.305.051	15.450.000.000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH 2016

(tiếp theo)

(*) Đây là khoản tạm ứng của ông Lê Thiên Thạch - thành viên HĐQT tạm ứng để đặt cọc mua máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh tại Vĩnh Long. Tuy nhiên, công trình dừng xây dựng do đó, ông Lê Thiên Thạch đã thanh toán dần công nợ tạm ứng trên.

(**) Đây là khoản rút vốn hợp tác kinh doanh vào dự án xay xát lúa gạo và xử lý cám tại Bắc Ninh.

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	32.110.071.975	28.017.518.062
Công cụ, dụng cụ	3.000.000	3.000.000
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	32.113.071.975	28.020.518.062

6. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Phúc Quang - Hồng Anh (*)	95.000.000.000	95.000.000.000
Cộng	95.000.000.000	95.000.000.000

(*) Là khoản góp vốn theo Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường năm 2015 số 01-01/2015/DSG/BB-ĐHCĐ ngày 26/01/2015

Tỷ lệ quyền biểu quyết tại Công ty TNHH Phúc Quang - Hồng Anh là 47,5%. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 của bên Công ty TNHH Phúc Quang - Hồng Anh bị lỗ, do đó đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư.

7. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án xay xát lúa và xử lý cám gạo ở Bắc Ninh (*)		20.000.000.000
Cộng	-	20.000.000.000

(*) Là khoản góp vốn hợp tác đầu tư cùng Công ty TNHH Phúc Quang - Hồng Anh theo Nghị quyết ĐHCĐ bất thường năm 2015 số 01-01/2015/DSG/BB-ĐHCĐ ngày 26/01/2015. Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01.2015/HĐHT/PQ-TVSG ngày 28/01/2015 với thời hạn hợp tác là 5 năm. Tuy nhiên, do dự án hoạt động không hiệu quả nên 2 bên đã làm Biên bản thỏa thuận để rút vốn Hợp tác kinh doanh số 28.12/2016/BBTT/PQ-TVSG.02 ngày 28/12/2016

8. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dài hạn	107.882.394	113.460.427
Cộng	107.882.394	113.460.427

9. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP cảng Vĩnh Long	52.222.500	52.222.500
Công ty CP Dầu thực vật Nam Mỹ	8.606.000	-
Công ty CP SACHA INCHI Việt Nam	28.660.640	-
Công ty CP SENVINA	-	9.787.703.730
Công ty CP thương mại và vận tải Nam Biển Đông	-	15.000.000
Công ty CP xây dựng 620 - Bình Minh	2.409.797.770	2.409.797.770
Công ty TNHH Dầu thực vật Bình An	1.022.363.868	18.962.500
Công ty TNHH thương mại dịch vụ vận chuyển Đăng An	-	22.313.953
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Vietfood Viễn Đông	-	7.775.390.260
Công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu An Hưng Phước	1.479.000	-
Công ty TNHH tư vấn kiểm định xây dựng và môi trường GCE	10.600.000	10.600.000
Công ty TNHH vận tải quốc tế I.T.I	156.767.486	-
Cộng	3.690.497.264	20.091.990.713

10. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Đức Thạnh	9.318.993	9.318.993
Cộng	9.318.993	9.318.993

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

(tiếp theo)

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phiếu

20.000.000 20.000.000
20.000.000 20.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH 2016

(tiếp theo)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	307.409.557.449	383.175.606.582
Cộng	307.409.557.449	383.175.606.582
2 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	307.409.557.449	383.175.606.582
Cộng	307.409.557.449	383.175.606.582
3 Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa	302.369.795.004	367.872.201.564
Cộng	302.369.795.004	367.872.201.564
4 Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	250.633	2.102.495
Lợi nhuận được chia từ Công ty Phúc Quang - Hồng Anh	75.941.415	4.750.000.000
Cộng	76.192.048	4.752.102.495
5 Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
Dự phòng giảm giá đầu tư	1.107.039.790	-
Cộng	1.107.039.790	-
6 Chi phí bán hàng	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	56.076.000	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	123.900.648	368.817.259
Cộng	179.976.648	368.817.259
7 Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	185.753.500	
Chi phí đồ dùng văn phòng	14.847.842	
Thuế, phí, lệ phí	4.000.000	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	690.228.108	442.400.239
Cộng	894.829.450	442.400.239
8 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế trước điều chỉnh	2.252.010.854	18.855.089.489
2. Điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế (2 = 3+4)	606.630.487	-
3. Điều chỉnh tăng	682.571.902	-
4. Điều chỉnh giảm	(75.941.415)	-
5. Tổng lợi nhuận chịu thuế (5 = 1 + 2)	2.858.641.341	18.855.089.489
6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (6 = 5*20%)	571.728.268	3.364.012.113
7. Thuế TNDN phải nộp (7 = 6)	571.728.268	3.364.012.113
9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu		

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH 2016

(tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.680.282.586	15.491.077.376
Số cổ phiếu lưu hành đầu kỳ	20.000.000	20.000.000
Số cổ phiếu phát hành thêm	-	-
Số cổ phiếu lưu hành bình quân	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	84	775

VIII. Những thông tin khác**1. Công cụ tài chính****1.1 Quản lý rủi ro vốn**

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa tối đa hoá lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm: Vốn điều lệ.

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính:

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tiền và tương đương tiền	78.154.927	78.154.927
Khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	77.227.718.816	77.227.718.816

1.2 Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng qui định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty và các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Số dư ngày 31/12/2016

Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn

0

Phải trả người bán

3.690.497.264

1.3 Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hoá từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hoá. Rủi ro này công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp phân bố ở các khu vực khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả của hàng hoá.

Rủi ro tín dụng: Bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất: Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng tính dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng đối với các khoản nợ phải trả tài chính của công ty tại ngày 31/12/2016:

Đối tượng	Dưới 01 năm	Từ 01 đến 05 năm	Tổng cộng
Vay ngắn hạn	-	-	-
Phải trả người bán	3.690.497.264	-	3.690.497.264

2. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm nay
* Tiền thu từ bán hàng	343.400.117.205
Thu tiền bán hàng trong năm 2016	343.400.117.205
* Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	(358.010.807.818)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 9/50 đường Lê Tấn Bê, P. An Lạc, Q. Bình Tân, TP. HCM

Điện thoại: 08.38886869 Fax:

Mẫu số B09-DN

Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm tài chính 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH 2016

(tiếp theo)

Tiền chi trả cho người cung cấp vật tư, hàng hóa	(358.010.807.818)
* Tiền chi trả cho người lao động	(208.888.000)
Quỹ lương năm 2016	(208.888.000)
* Tiền thu khác	8.920.000.000
Thu từ hoạt động đầu tư	2.000.000.000
Thu khác	6.920.000.000
* Tiền chi khác	(4.002.515.682)
Nộp phạt thuế, UBCK	(3.833.828.630)
Chi khác	(168.687.052)
3. Những thông tin khác	

3.1 Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	57,82	52,35
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	42,18	47,65
1.2. Bố trí cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	2,17	9,63
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	97,83	90,37
2. Khả năng thanh toán			
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát	lần	46,08	10,39
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	26,65	5,44
2.3. Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,02	0,41
		Năm nay	Năm trước
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	0,73	4,92
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	0,55	4,04
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	0,96	7,51
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,72	6,17
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn CSH	%	0,74	6,82

3.2 Thông tin liên quan

Danh sách cổ đông sáng lập

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 03/02/2015.

Tên cổ đông	Số cổ phần sáng lập	Tỷ lệ (%)
Hoàng Thị Thúy Hà	10.000	10%
Lê Thiên Thạch	50.000	50%
Lê Thị Kim Trinh	10.000	10%
Nguyễn Thị Lệ Hằng	20.000	20%
Trần Ngọc Bửu Trân	10.000	10%

3.3 Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2015 của Công ty Cổ phần Dầu thực vật Sài Gòn đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long T.D.K.

3.4 Thông tin hoạt động liên tục

Công ty không có bất kỳ hoạt động nào nhằm thu hẹp hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như không có sự kiện nào phát sinh trong năm và sau ngày khóa sổ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH 2016
(tiếp theo)**3.5 Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch bán hàng hóa**

<i>Tên Công ty</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Diễn giải</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty TNHH Phúc Quang - Hồng Anh (*)	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	278.770.300.589
Công ty TNHH Phúc Quang - Hồng Anh	Công ty liên kết	Lợi nhuận được chia	75.941.415

(*) Đối với giá bán của Công ty cổ phần dầu thực vật Sài Gòn thấp hơn giá bán với các bên không liên quan là do Công ty không mất chi phí nhân công trong các giao dịch bán hàng. Mọi chi phí nhân công, văn phòng... phát sinh liên quan đến hoạt động bán hàng đều do phía Công ty TNHH Phúc Quang - Hồng Anh chịu trách nhiệm. Do đó, nếu cộng chi phí này vào với giá bán đã giao dịch thì giá bán cho Công ty TNHH Phúc Quang - Hồng Anh sẽ tương đồng với giá bán của Các công ty khác không phải là bên liên quan tại cùng một thời điểm.

Giao dịch thu hồi vốn đầu tư

<i>Tên Công ty</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Diễn giải</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty TNHH Phúc Quang - Hồng Anh	Công ty liên kết	Thu hồi vốn vào dự án xây xát lúa và xử lý cám	18.000.000.000

3.6 Thông tin khác

Quyết toán thuế Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định của thuế với việc áp dụng các Quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau, vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể được thay đổi theo quy định của Cơ quan thuế.

Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT SÀI GÒN

Kế toán trưởng



Nguyễn Hồ Trúc Phương

Giám đốc



Trần Ngọc Bửu Trân

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU THỰC VẬT SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 9/50 đường Lê Tấn Bê, P. An Lạc, Q. Bình Tân, TP. HCM
Điện thoại: 08.38886869 Fax:

Thuyết minh báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2016

Phụ lục số 02: Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: đồng					
Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Năm trước					
1. Số dư đầu năm	100.000.000.000		-	12.176.970.294	112.176.970.294
- Tăng vốn trong năm trước	100.000.000.000		1.831.617.349	-	101.831.617.349
- Lãi trong năm trước	-		-	15.491.077.376	15.491.077.376
- Tăng khác	-		-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-		-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-		-	-	-
- Giảm khác	-		-	-	-
4. Số cuối năm	200.000.000.000		1.831.617.349	(2.520.311.468) 25.147.736.202	(2.520.311.468) 226.979.353.551
Năm nay					
1. Số đầu năm	200.000.000.000		1.831.617.349	25.147.736.202	226.979.353.551
- Tăng vốn trong năm nay	-		-	-	-
- Lãi trong năm nay	-		-	1.680.282.586	1.680.282.586
- Tăng khác	-		-	-	-
- Giảm vốn trong năm nay	-		-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-		-	-	-
- Giảm khác	-		-	-	-
4. Số cuối năm	200.000.000.000		1.831.617.349	(50.643.398) 26.777.375.390	(50.643.398) 228.608.992.739

